TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CÁI RĂNG,** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2025/DS-ST
Ngày 21-4-2025
V/v "tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Sang.

2/ Bà Lê Thị Tuyết Mai.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Tô Minh Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 về "tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc Đ. Địa chỉ: Số 168/2 Khu vực Y, phường L, quận C, thành phố C.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Ngọc A. Địa chỉ tại số 88, tổ 48A Khu vực 7, phường H, quận C, Thành phố C; Bà Đoàn Thị Diễm Tr. Địa chỉ tại Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/11/2023).

Bà Trần Ngọc Đ "Vắng mặt", Bà Lê Ngọc A (Có mặt), bà Đoàn Thị Diễm Tr "Vắng mặt".

2. Bị đơn: Ông Trịnh Văn Châu Kh. Địa chỉ: Số 168/11 Khu vực Y, phường L, quận C, thành phố C. "Vắng mặt".

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

3.1 Bà Trịnh Thị H. Địa chỉ: Ấp 5, xã V, Thành phố V, tỉnh H. "Vắng mặt".

3.2 Ông Trịnh Văn Kh. Địa chỉ: Số 32 Khu vực 1, Phường X, Thành phố V, tỉnh H. "Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt".

3.3 Bà Trịnh Thị H (Chết 2016).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H: Bà Phạm Thị Hạnh Đ. Địa chỉ: Số 168/11 Khu vực Y, phường L, quận C, thành phố C. "Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt".

3.4 Ông Trịnh Hoàn L (Chết 2010).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông L: Bà Nguyễn Huỳnh Phương M, Bà Trịnh Hoàn Thúy U, Ông Trịnh Hoàn Phương Kh. Cùng địa chỉ: Số 108/4 đường 3T4, phường Th, quận N, thành phố C.

Bà Nguyễn Huỳnh Phương M "Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt", Bà Trịnh Hoàn Thúy U "Vắng mặt", Ông Trịnh Hoàn Phương Kh "Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt".

3.5 Ông Trịnh Văn Tr (Chết 2001).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Tr: Ông Trịnh Hoài Nh, Bà Trịnh Thị Tuyết Tr. Cùng địa chỉ: Số 168/2B Khu vực Y, phường L, quận C, thành phố C.

Ông Trịnh Hoài Nh "Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt", Bà Trịnh Thị Tuyết Tr "Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt".

3.6 Bà Trịnh Thị B. Địa chỉ: Ấp T, xã Th, huyện Ph, tỉnh H. "Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt".

3.7 Ông Trịnh Văn T (Chết 2011).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T: Bà Trần Thị Đ, Bà Trịnh Trần Thanh Tr, Bà Trịnh Trần Thanh T, Bà Trịnh Trần Phương Tr. Cùng địa chỉ: Ấp 2, Thị trấn N, huyện V, tỉnh H.

Bà Trần Thị Đ "Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt", Bà Trịnh Trần Thanh Tr "Vắng mặt", Bà Trịnh Trần Thanh T "Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt", Bà Trịnh Trần Phương Tr "Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt".

3.8 Ông Trịnh T (Chết 2021).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T: Bà Nguyễn Hồng T, Ông Trịnh Trung Th. Cùng địa chỉ: Khóm H, phường Kh, thị xã V, tỉnh S.

Bà Nguyễn Hồng T "Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt", Ông Trịnh Trung Th "Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt".

3.9 Ông Trịnh Minh T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 168/10 Khu vực Y, phường L, quận C, thành phố C. "Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt".

3.10 Ông Trịnh Văn Châu H, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số 18/6 đường Ng, Khu vực 5, Phường X, Thành phố V, tỉnh H. "Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt".

3.11 Ông Trịnh Văn Châu Nh. Địa chỉ: Số 186A ấp X, xã Th, huyện Ch, tỉnh H. "Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đ trình bày: Vợ chồng ông Tr, bà Ph là chủ sử dụng đất thửa 1013, tờ bản đồ 01 (cũ) tại Khu vực Yên Hòa, phường Lê Bình, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 899994, số vào sổ 000140 Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 18/12/1998. Do là hàng xóm kế bên nhà, đất của bà giáp thửa đất của ông Tr nên ông nhiều lần chuyển nhượng một phần đất CLN cho bà, cụ thể: Ngày 01/10/2002 ký giấy tay bán ngang 01m dài hết thửa khoản 37m giá 10.000.000 đồng và đã thanh toán xong, giao đất, dựng hàng rào quản lý đất; Ngày 16/10/2002 khi có nhiều bệnh trong người cần tiền trị bệnh ông đã tiếp tục ký giấy tay bán thêm ngang 01m dài hết thửa khoản 37m giá 14.800.000 đồng; Ngày 16/10/2003 khi ông Tr bệnh nặng thì ông Kh đại diện gia đình ký bán đất ngang 01m dài hết thửa khoản 37m giá 15.000.000 đồng để chữa trị cho ông Tr. Ngày 15/7/2007 ông Kh ký bán đất ngang 1.5m dài hết thửa khoản 37m giá 45.000.000 đồng. Tất cả những lần chuyển nhượng này bà Ph đều biết, đã trả đủ tiền, giao đất cho bà xây tường rào quản lý, sử dụng đến nay.

Ông Tr chết 2003, bà Ph chết 2004 đều không để lại di chúc, thửa đất trên để lại cho gia đình ông Kh, bà H, ông Tr, ông T quản lý sử dụng nhưng khi yêu cầu làm thủ tục chuyển nhượng công chứng để tách thửa, sang tên thì họ lại không đồng ý. Thửa đất hiện có ông Kh, bà Đ (con bà H, đã chết), ông Nh, bà Tr (con ông Tr, đã chết), ông T (con ông Trịnh T, đã chết) đang sử dụng, ông Kh giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với những người con còn lại của ông Tr, bà Ph thì không liên hệ được.

Nay, bà Đ yêu cầu công nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích ngang 4.5 x dài 37m = 166.5m^2 CLN thửa 1013. Các đồng thừa kế của ông Tr, bà Ph phải có nghĩa vụ làm thủ tục chuyển nhượng, sang tên cho bà sử dụng phần đất này.

Bị đơn ông Kh, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Thừa nhận thửa đất 1013 của ông Tr, bà Ph chết không để lại di chúc. Ông Kh được giao cho ở trên đất, giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng với bà Đ, ông Nh, ông T. Ông Tr, ông Kh nhiều lần chuyển nhượng đất cho bà Đ, việc chuyển nhượng, giao trả tiền đã hoàn thành, đất đã giao bà Đ quản lý, sử dụng làm tường rào kiên cố. Thực tế phần đất chuyển nhượng đã bàn giao cho bà Đ quản lý, sử dụng từ lâu nên đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà.

Tiến trình tố tụng: Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án tiến hành kiểm tra, xem xét, thẩm định tại chỗ đối với phần đất tranh chấp. Kết quả thể hiện tại Bản trích đo địa chính số 766/VPĐKĐĐ ngày 24/9/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai Thành

phố Cần Thơ diện tích tranh chấp là 160.9m^2 CLN. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 6.366.130 đồng.

Theo Tờ khai hộ tịch mà ông Kh và các người con ông Tr cung cấp, gồm có: Bà Trịnh Thị H, ông Trịnh Văn Kh, bà Trịnh Thị H (chết, có người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng duy nhất bà Phạm Thị Hạnh Đ), ông Trịnh Hoàn L (chết, có người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng bà Nguyễn Huỳnh Phương M, bà Trịnh Hoàn Thúy U, ông Trịnh Hoàn Phương Kh), ông Trịnh Văn Tr (chết, có người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng ông Trịnh Hoài Nh, bà Trịnh Thị Tuyết Tr), bà Trịnh Thị B, ông Trịnh Văn T (chết, có người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng bà Trần Thị Đ, bà Trịnh Trần Thanh Tr, bà Trịnh Trần Tâm, bà Trịnh Trần Phương Tr), ông Trịnh T (chết, có người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng bà Nguyễn Thị Hồng T, bông Trịnh Trung Th), ông Trịnh Minh T, ông Trịnh Văn Châu H, ông Trịnh Văn Châu Nh và ông Trịnh Văn Châu Kh.

Đối với bà H, theo trình bày thì các anh em của bà không liên hệ với nhau thời gian khá dài nên không truyền đạt được cho bà thông tin vụ kiện. Căn cứ vào lời khai của ông Kh và các đương sự còn lại (anh em của bà) Tòa án đã chủ động thực hiện nhiều thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ tại cơ quan Công an, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh xác định bà vẫn ở Việt Nam, không đi nước ngoài sinh sống.

Tại phiên tòa, Người đại diện ủy quyền của bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện công nhận phần đất chuyển nhượng 160.9m^2 CLN thửa 1013 cho bà, tiền đo đạc bà tự nguyện chịu. Đồng thời đề nghị dành quyền cho bà Đ làm thủ tục gộp diện tích đất cây trồng lâu năm này vào thửa đất của bà số 625, tờ bản đồ 33 tại đường Lê Hồng Nhi, Khu vực Yên Hòa, phường Lê Bình, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ. Các đương sự còn lại vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự: Giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký tòa án cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc ông Tr, ông Kh nhiều lần chuyển nhượng đất cho bà Đ là có thật, đã trả đủ tiền, giao đất bà Đ xây tường rào quản lý, sử dụng gần 20 năm. Ông Kh và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Thửa đất 625 của bà Đ giáp ranh, liền kề thửa 1013 có 658.4m^2 CLN, mặc dù diện tích tranh chấp 160.9m^2 CLN không đủ diện tích tối thiểu tách thửa theo Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ nhưng khi phần đất tranh chấp được công nhận thì sẽ nhập diện tích này vào thửa 625. Diện tích thửa đất 1013 còn lại sau khi tách là 353.4m^2 vẫn đảm bảo diện tích tối thiểu còn lại theo quy định tại Điều 146, Điều 220 Luật Đất đai. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 117, Điều 129 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, lời khai, chứng cứ đương sự cung cấp, tòa án thu thập được thẩm tra công khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Địa chỉ cư trú của bị đơn và vị trí phần đất tranh chấp tại quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Khoản 9 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 236 Luật Đất đai.

[2] Theo lời khai của đương sự, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng cần thiết để xác định bà H đã đi nước ngoài sinh sống hay vẫn còn ở Việt Nam trước khi bà Đ nộp đơn khởi kiện. Kết quả trả lời của Công an xã nơi bà cư trú, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh xác định không có thông tin xuất cảnh của bà H. Như vậy, bà H vẫn còn cư trú tại Việt Nam. Tòa án đã triệu tập xét xử hợp lệ nhưng ông Kh, bà H, bà Uyên, bà Thanh Tr vẫn vắng mặt không lý do chính đáng. Đối với những người còn lại thì vắng mặt nhưng có đơn xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn mở phiên tòa xét xử vụ án.

[3] Phần đất tranh chấp có diện tích 160.9m^2 CLN thuộc thửa 1013, tờ bản đồ số 01 Khu vực Yên Hòa, phường Lê Bình, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ mà Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang cấp cho hộ ông Trịnh Văn Tr ngày 18/12/1998 được ông Tr, ông Kh nhiều lần lập văn bản chuyển nhượng cho bà Đ. Việc chuyển nhượng đã được các bên hoàn thành toàn bộ quyền, nghĩa vụ gần 20 năm nay nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng, sang tên theo quy định. Qua đo đạc, kiểm tra hiện trạng thực tế thấy rằng bà Đ đã xây dựng tường rào hết diện tích đất đã chuyển nhượng để quản lý chung với phần đất cây lâu năm 658.4m^2 thuộc thửa 625 của bà. Các đương sự đều thừa nhận việc chuyển nhượng, hoàn thành chuyển nhượng là có thật nên có căn cứ khẳng định việc chuyển nhượng trên là thật. Tuy việc chuyển nhượng vi phạm quy định bắt buộc về trình tự thủ tục, hình thức hợp đồng công chứng, chứng thực, sang tên quyền sử dụng thuộc trường hợp vô hiệu nhưng do các bên đã hoàn thành toàn bộ quyền, nghĩa vụ với nhau và theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 Bộ luật Dân sự thì việc chuyển nhượng trên được công nhận có hiệu lực.

[4] Đối với giao dịch dân sự phát sinh từ quyền sử dụng đất, ngoài việc đảm bảo quy định của Bộ luật Dân sự còn phải đảm bảo các quy định của Luật Đất đai, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về diện tích tối thiểu tách thửa, hợp thửa tại thời điểm giải quyết tranh chấp. Theo quy định tại Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ thì 160.9m^2 CLN thửa 1013 tuy dưới diện tích tối thiểu quy định 300m^2 đối với loại đất cây trồng lâu năm tại phường, thị trấn là không đủ điều kiện công nhận nhưng do bà Đ là chủ sử dụng đất trồng cây lâu năm có diện tích 658.4m^2 thuộc thửa 625 liền kề với thửa 1013. Diện tích đất trồng cây lâu năm của thửa 1013 còn lại sau khi công nhận cho bà Đ là 353.4m^2 vẫn đủ điều kiện về diện tích tối thiểu. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Đ có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 146, Điều 220 Luật Đất đai, Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ.

[5] Ông Kh là người giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông phải có nghĩa vụ giao nộp bản gốc cho bà Đ hoặc cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu để bà Đ thực hiện quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh biến động diện tích nêu trên cho phù hợp với quyết định của bản án này. Trường hợp, ông Kh không thực hiện nghĩa vụ nêu trên kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của Luật Đất đai để đăng ký, điều chỉnh biến động diện tích đất trồng cây lâu năm cho bà Đ theo quyết định của bản án này (Kèm theo Bản trích đo địa chính số 766/VPĐKĐĐ ngày 24/9/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Cần Thơ).

[6] Căn cứ Điều 5, Điều 147, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 6.366.130 đồng (đã thực hiện xong). Ông Kh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 9 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 2 Điều 129 Bộ luật Dân sự.

Điều 146, Điều 220, Điều 236 Luật Đất đai.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc Đ.

Công nhận bà Trần Ngọc Đ được quyền sử dụng đất diện tích 160.9m^2 - loại đất trồng cây lâu năm thửa 1013, tờ bản đồ số 01 Khu vực Yên Hòa, phường Lê Bình, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Bà Trần Ngọc Đ được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh biến động, hợp diện tích 160.9m^2 - loại đất trồng cây lâu vào thửa 625, tờ bản đồ 33 đường Lê Hồng Nhi, Khu vực Yên Hòa, phường Lê Bình, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

Khi bà Trần Ngọc Đ thực hiện quyền này, buộc ông Trịnh Văn Châu Kh phải giao nộp bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 899994, số vào sổ 000140 Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 18/12/1998 cho hộ ông Trịnh Văn Tr cho bà Đ hoặc cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

Trường hợp, ông Kh không thực hiện, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của Luật Đất đai để đăng ký, điều chỉnh biến động diện tích đất nêu trên cho bà Đ theo quyết định của bản án này (Kèm theo Bản trích đo địa chính số 766/VPĐKĐĐ ngày 24/9/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Cần Thơ).

Ghi nhận bà Trần Ngọc Đ tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 6.366.130 đồng (đã thực hiện xong). Ông Trịnh Văn Châu Kh phải chịu

300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Cái Răng;
- CCTHADS Q. Cái Răng;
- Lưu: Hồ sơ (TC: 12).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Minh Mẫn